

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 49/2019/HS-ST

Ngày: 18/11/2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hằng.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Xuân Xanh – Bà Trần Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2019/TLST-HS, ngày 05/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HS ngày 07/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn D - Sinh năm 1974;

Nơi ĐKKHKT: Bản L, xã C, huyện Th, tỉnh SL; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn Đ và bà: Quàng Thị T1 (Đều đã chết); Bị cáo có vợ: Quàng Thị T – Sinh năm: 1974 và 03 con lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền sự: Không.

Tiền án có 01 tiền án: Ngày 16/3/1999, Quàng Văn D (Hoàng Văn M) bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái áp dụng điểm a khoản 3 Điều 185^e; khoản 1 điều 185o Bộ luật hình sự năm 1985 (sửa đổi bổ sung năm 1997) xử phạt 15 năm tù và 20 triệu đồng về tội: “ Chiếm đoạt chất ma túy” theo bản án số 16/HSST. Ngày 18/7/2011. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; ngày 08/7/2019 bị cáo được Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La miễn thi hành án đối với khoản tiền phạt. Ngày 24/6/2019, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới khi chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung. Nên chưa được xóa án tích đối với bản án số 16/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/6/2019, tạm giam từ ngày 07/7/2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên (Có mặt).

2. Đỗ Văn Tr - Sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh PT; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn

T – Sinh năm: 1961 và bà: Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1962; Bị cáo có vợ: Hoàng Thị N – Sinh năm: 1991 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/6/2019, tạm giam từ ngày 07/7/2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Lý Thị C - Sinh năm: 1987

Tạm trú tại: Khu 2, Thị trấn T, huyện TU, LC (có mặt)

- *Người phiên dịch cho bị hại:* Anh Giàng A Phia - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu 7, Thị trấn T, huyện TU, LC (có mặt).

- *Người có quyền lợi liên quan:* Chị Quàng Thị T - Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện Th, SL (có mặt)

- *Người phiên dịch cho chị Tuấn:* Chị Quàng Thị Khuyên - Sinh năm: 1991

- Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện Th, SL (có mặt)

- *Người làm chứng:* Tráng Thị M – Sinh năm: 1997

Địa chỉ: Bản Che Bó, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quàng Văn D, sinh năm 1974, trú tại Bản L, xã C, huyện Th, tỉnh SL có quen biết với Đỗ Văn Tr sinh năm 1989, trú tại, Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh PT. Sáng ngày 23/6/2019, Quàng Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26K8-5508 (thuộc sở hữu của chị Quàng Thị T – vợ D) chở Đỗ Văn Tr đi từ thành phố Sơn La sang huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai mục đích tìm mua thuốc nam cho vợ của Tr. Khi đến huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu do trời tối nên D và Tr ngủ qua đêm tại Thị trấn T, huyện TU, Lai Châu.

Khoảng 11 giờ ngày 24/6/2019, trong lúc ăn cơm tại quán cơm đối diện Bến xe khách huyện Than Uyên, D nói với Tr là có số tiền 5.000 nhân dân tệ (Trung Quốc) mang đi đổi lấy tiền Việt Nam đồng để tiêu xài, Tr đồng ý. D và Tr bàn với nhau trong lúc đổi tiền, Tr sẽ hỏi D “Giá rẻ có đổi không?”, mục đích lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt tiền của người nhận đổi. Khoảng 14 giờ cùng ngày, D và Tr đi vào chợ Trung tâm huyện Than Uyên thì gặp chị Lý Thị C sinh năm 1987, tạm trú tại Khu 2 Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, Lai Châu đang bán hàng trong chợ. Tr hỏi đổi tiền nhân dân tệ Trung Quốc lấy tiền Việt Nam đồng, chị C đồng ý. Lúc này, D lấy số tiền 5.000 Nhân dân tệ Trung Quốc đưa cho Tr, Tr đưa cho chị C xem. Chị C nhận 5.000 Nhân dân tệ Trung Quốc và bảo D, Tr đi về phòng trọ để chị a lấy tiền Việt Nam đổi. Do không thông thạo tiếng phổ thông, chị C nhờ chị Tráng Thị M là người cùng bán hàng trong chợ đi cùng mình để làm phiên dịch. Sau đó, chị C, chị M và Tr theo đường công chợ phụ về phòng trọ của chị C tại

Khu 2, Thị trấn Than Uyên còn D ra cổng Chợ chính lấy xe mô tô (gửi trước đó) rồi điều khiển đến phòng trọ của chị C thuộc Ngõ 12, phố Lương Định Của. Quảng Văn D điều khiển xe mô tô đến gần phòng trọ của chị Ca thì dựng xe rồi đứng cạnh cửa ra vào, chị M đứng đối diện với D, chị C và Tr vào phòng để đổi tiền. Chị C lấy tiền Việt Nam đồng chia thành 05 đồng, mỗi đồng 3.020.000 đồng tương ứng với 1.000 Nhân dân tệ Trung Quốc. Do đã thống nhất với D trước đó nên Tr hỏi D: Có đổi 1.000 Nhân dân tệ Trung Quốc lấy 3.020.000 đồng không? D trả lời: Rẻ quá không đổi! Nghe D nói vậy, Tr lấy toàn bộ 5.000 Nhân dân tệ đưa cho D, rồi vợ một phần tiền Việt Nam đưa cho chị C. Lợi dụng lúc chị C đang đếm lại tiền, Tr nhanh chóng vợ số tiền còn lại đút vào túi quần phía sau bên phải mặc trên người rồi cùng D chạy ra chỗ dựng xe mô tô bỏ chạy. Quảng Văn D điều khiển xe mô tô chở Tr chạy theo hướng thị trấn Than Uyên về xã Mường Kim, huyện Than Uyên. Bị cướp giật tiền, chị C, chị M đuổi theo hô hoán nhưng không bắt giữ được D, Tr. Ngày 24/6/2019, Công an huyện Than Uyên nhận được đơn trình báo của chị Lý Thị C về việc chiều cùng ngày chị bị hai đối tượng cướp giật tài sản (tiền) tại phòng trọ.

Đối với D, Tr sau khi cướp giật được tiền của chị C thì D điều khiển xe mô tô bỏ chạy được khoảng 7 – 8 km, Tr ngồi phía sau lấy số tiền cướp được ra đếm được 7.000.000 đồng. Tr nói cho D biết và chia cho D số tiền 3.500.000 đồng rồi cùng nhau đi sang các tỉnh Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái tiêu xài. Ngày 28/6/2019, Quảng Văn D và Đỗ Văn Tr đang ở xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Than Uyên thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Quá trình bắt người, tạm giữ của D số tiền 4.460.000 đồng (đây là số tiền D đổi từ 5.000 Nhân dân tệ Trung Quốc mà có); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave mang biển kiểm soát 26K8-5508; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 PLUS và 01 đăng ký xe mô tô. Thu giữ của Tr số tiền 2.100.000 đồng (là tiền Tr và D chiếm đoạt của chị Ca mà có). Số tiền 3.500.000 đồng, Tr chia cho D thì D đã tiêu xài cùng Tr hết.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Quảng Văn D và Đỗ Văn Tr đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với số tiền 2.100.000 đồng thu giữ của Đỗ Văn Tr, tại bản Kết luận giám định số 363 ngày 29/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Số tiền 2.100.000 đồng gửi đến giám định là tiền thật.

Đối với số tiền 4.460.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 7 Plus đều là tài sản hợp pháp của bị cáo D, không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, ngày 04/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài

sản trên cho chị Quảng Thị T (là người đại diện theo ủy quyền của bị cáo D) là có căn cứ.

Vật chứng còn lại của vụ án gồm: Số tiền 2.100.000 đồng thu giữ của bị cáo Đỗ Văn Tr; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave mang biển kiểm soát 26K8-5508; 01 đăng ký xe mô tô đều tạm giữ của bị cáo Quảng Văn D hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên.

Bản cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố các bị cáo Quảng Văn D và Đỗ Văn Tr về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Quảng Văn D và Đỗ Văn Tr phạm tội: “Cướp giật tài sản”

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Quảng Văn D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt, tạm giữ (28/6/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về án treo. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Tr từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lý Thị C yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 9.100.000. Các bị cáo nhất trí bồi thường 7.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên và trả cho bị hại Ca số tiền cướp giật đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Than Uyên tạm giữ trong quá trình bắt các bị cáo là 2.100.000 đồng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171 - Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo; xử lý án phí và vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm, nhất trí và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng tại Cơ quan điều tra, biên bản thực nghiệm hiện trường, nhận dạng, cùng các tài liệu và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Chiều ngày 24/6/2019, tại Khu 2, Thị trấn T, huyện TU, LC, bằng thủ đoạn lừa dối tiền Nhân dân tệ Trung Quốc lấy tiền Việt Nam đồng, lợi dụng lúc bị hại Lý Thị C sơ hở khi đếm tiền, Quàng Văn D và Đỗ Văn Tr đã thực hiện hành vi cướp giật chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng của chị Ca. Sau đó, D và Tr mang đi tiêu xài cá nhân hết 4.900.000 đồng. Ngày 28/6/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Than Uyên đã thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ trên người của Tr số tiền 2.100.000 đồng do Tr và D chiếm đoạt của chị Ca.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Quàng Văn D và Đỗ Văn Tr đã cấu thành tội: “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015 như nội dung bản cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn, gây hoang mang trong nhân dân. Là những người đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội như trên nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Trong vụ án, bị cáo Quàng Văn D là người cung cấp công cụ, giúp sức tích cực, bị cáo Đỗ Văn Tr là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ, nên hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm mang tính giản đơn.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã tích cực tác động bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt được.

Đối với bị cáo D sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Đối với bị cáo Tr xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 – BLHS.

[5] Về tình tiết tăng nặng và nhân thân của các bị cáo: Hội đồng xét xử nhận định: Đối với bị cáo Quảng Văn D thì thấy rằng: Ngày 16/3/1999, bị cáo Quảng Văn D đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 15 năm tù và 20 triệu đồng về tội: “ *Chiếm đoạt chất ma túy*”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 – Bộ luật hình sự, thể hiện bản tính không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, lao động sớm trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Đỗ Văn Tr, là người có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật; có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu. Căn cứ vào mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 - Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 đối với bị cáo. Không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, ấn định thời gian thử thách giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đủ thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật cũng như chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại từ giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có sự thay đổi. Các bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng là số tiền đã chiếm đoạt được của chị Lý Thị C. Xác nhận các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên theo biên lai số AA/2016/0001182 ngày 13/8/2019 và AA/2016/0001185 ngày 04/10/2019 với số tiền mỗi biên lai là 3.500.000 đồng.

[7] Về hình phạt bổ sung: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng các hình

phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171- Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[8] Biện pháp ngăn chặn: Cần áp dụng điều 329 – Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục tạm giam đối với bị cáo Quàng Văn D để đảm bảo việc thi hành án, thời gian tạm giữ, tạm giam sẽ được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng Điều 328 – Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Đỗ Văn Tr tại phiên tòa.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Quá trình tạm giữ của bị cáo Quàng Văn D số tiền 4.460.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE 7 PLUS, xác định không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Quàng Thị T (người được bị cáo D ủy quyền) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Số tiền 2.100.000 đồng thu giữ của bị cáo Đỗ Văn Tr, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay xác định được đó là số tiền còn lại trong tổng số tiền 7.000.000 đồng các bị cáo đã chiếm đoạt được của chị Lý Thị C, xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của chị Lý Thị C nên cần trả lại cho chị Ca.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen – xám, biển kiểm soát 26K8-5508 là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Quàng Thị T (vợ của bị cáo Quàng Văn D). Chị T đã có đơn xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại, hơn nữa khi D mang xe thực hiện hành vi phạm tội chị không biết. Do vậy, cần trả lại cho chị T chiếc xe trên là phù hợp kèm theo 01 đăng ký xe mô tô có những đặc điểm nêu trên.

[10] Các vấn đề khác của vụ án:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 26K8-5508 làm phương tiện đi lại và bỏ chạy. Tuy nhiên, bị cáo D và Tr không trực tiếp sử dụng chiếc mô tô làm thủ đoạn cướp giật tài sản và không nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại Lý Thị C. Vì vậy, không có căn cứ kết luận hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo theo tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 – BLHS là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”

Đối với hành vi trao đổi ngoại tệ của các bị cáo D, Tr nhằm mục đích để cướp giật tài sản; Bị hại Ca chưa thực hiện được giao dịch trao đổi ngoại tệ. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hành vi liên quan đến giao dịch ngoại tệ là đúng quy định.

Đối với số tiền bị chiếm đoạt, bị hại Lý Thị C khai bị cướp giật tổng số tiền 9.060.000 đồng. Cơ quan điều tra đã đấu tranh, tiến hành đối chất giữa bị hại C với các bị cáo, nhưng các bị cáo khai nhận chỉ chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng. Ngoài lời khai của bị hại, không còn chứng cứ tài liệu nào khác để chứng minh,

nên không có căn cứ để kết luận bị hại Lý Thị C bị chiếm đoạt số tiền 9.060.000 đồng.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Quảng Văn D sinh sống tại vùng kinh tế có điều kiện khó khăn theo quyết định số 900 của Thủ tướng Chính phủ. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị được miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Bị cáo Đỗ Văn Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: **Quảng Văn D và Đỗ Văn Tr** phạm tội: *“Cướp giật tài sản”*.

1. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Quảng Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Tr 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/11/2019).

Áp dụng Điều 328 – Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên trả tự do cho bị cáo Đỗ Văn Tr tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Đỗ Văn Tr cho Ủy ban nhân dân xã Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48- Bộ luật hình sự; các Điều 288, 289, 584, 585, 586, 587, 589 – Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại về yêu cầu bồi thường. Các bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại Lý Thị C số tiền 7.000.000 đồng. Chị C nhất trí. Xác nhận các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Uyên

theo biên lai số AA/2016/0001182 ngày 13/8/2019 và AA/2016/0001185 ngày 04/10/2019 với số tiền mỗi biên lai là 3.500.000 đồng.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Trả lại cho bị hại Lý Thị C số tiền 2.100.000 đồng.
- Trả lại cho chị Quàng Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xám đen, biển kiểm soát 26K8-5508 và 01 đăng ký xe mô tô.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2019)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 – Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Miễn 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn D.

Bị cáo Đỗ Văn Tr phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đối với phần bản án hoặc quyết định liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện Than Uyên (2b);
- THA dân sự H. Than Uyên;
- CQĐT huyện Than Uyên;
- CQ THAHS H. Than Uyên;
- Nhà tạm giữ CAH. Than Uyên
- THA PT;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp Lai Châu;
- Lưu HS – TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đối với phần bản án hoặc quyết định liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu để xét xử phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Xuân Xanh

Trần Thị Oanh

Lương Thị Mỹ Hằng

